

Bản án số 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2021

Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N BÌNH - TỈNH N BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N Bình - tỉnh N Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST- HNGĐ ngày 04/6/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT: Phố L, phường N Sơn, thành phố N Bình; tỉnh N Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Thành, xã N Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh N Bình (nhà ông Phạm Ngọc Đ, bố đẻ chị N).

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn Th, sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT: Phố L, phường N Sơn, thành phố N Bình; tỉnh N Bình. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 63, đường P, phố H, phường N Sơn, thành phố N Bình, tỉnh N Bình.

Người làm chứng: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1965 (bố đẻ chị N).

Trú tại: Thôn Xuân Thành, xã N Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh N Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị N, vắng mặt anh Th mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Th kết hôn ngày 22/9/2009 tại UBND phường N Sơn, thành phố N Bình trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh Th tại phố Thượng Lân, phường N Sơn, thành phố N Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2015, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cách sống, thường xuyên cãi vã đánh nhau do anh Th không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Tháng 3/2015, vợ chồng tiếp tục xảy ra xô xát đánh nhau nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Xuân Thành, xã N Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh N Bình ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, chị không thể chấp nhận cách sống của anh Th được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn Th có hai con chung là cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Vũ HA sinh ngày 08/01/2013, hiện nay các cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục hai cháu, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, nghề nghiệp của chị là làm đá mỹ nghệ ở xã N Vân, thu nhập trung bình khoảng 12.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa, về phần cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị để chị và anh Th tự giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Th không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Th: Không có bản tự khai và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết Th báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: quá trình giải quyết vụ án, chị N chấp hành pháp luật còn bị đơn anh Th không chấp hành mặc dù Tòa án đã giao Th báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Văn Th.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 /UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N xử cho chị N được ly hôn anh Vũ Văn Th. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 19/4/2010 và Vũ HA sinh ngày 08/1/2013 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Th được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh Th tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Về phần tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết. Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn Th kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N Sơn thành phố N Bình, tỉnh N Bình ngày 22/4/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bố mẹ chồng tại phố Thượng Lân, phường N Sơn, thành phố N Bình, tỉnh N Bình. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống do anh Th mãi chơi, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Tháng 3/2015, chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Xuân Thành, xã N Vân ở. Còn anh Th vẫn sống cùng với bố mẹ anh Th tại phường N Sơn, thành phố N Bình. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đến làm việc và cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh Th ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Vũ Văn Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung*: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn Th có hai con chung là cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Vũ HA sinh ngày 08/01/2013, hiện nay các cháu

đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi con. Nguyện vọng của các cháu là đều muốn ở với mẹ. Hiện tại anh Th không biết nghề nghiệp hiện nay làm gì, anh Th chưa có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các con khi bố mẹ ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N là giao hai cháu Vũ Hải Y và Vũ HA cho chị N trực tiếp chăm sóc giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Th được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị N đề nghị để chị và anh Th tự giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con và đề nghị giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[3]*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N. Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Văn Th. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Vũ HA sinh ngày 08/01/2013 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Th được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh Th tự giải quyết. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con và đề nghị giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm

ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001829 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N Bình
- VKSND TP N Bình
- Chi cục thi hành án Ds TP N Bình
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

